

Đặc trưng vị từ phi tác cách trong tiếng Việt với cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động

Phan Thanh Tâm*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Để tài này trình bày đặc trưng của vị từ phi tác cách trong tiếng Việt trong bản chất của vị từ và trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động. Khác với vị từ phi tác cách trong nhiều ngôn ngữ phương Tây với việc phân tích theo Chủ - Vị, vị từ phi tác cách trong tiếng Việt, với phân tích theo lý thuyết Đề - Thuyết của một ngôn ngữ thiên chủ đề, có thể đứng trước và cả đứng sau bị thể trong cấu trúc nội hàm của vị từ phi tác cách. Trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động, hai cấu trúc bề mặt của vị từ phi tác cách cùng đóng vai trò thể hiện kết quả chuyển tác của vị từ tác động với phương thức chuyển động của bị thể khi nhận hành động chuyển tác với chút khác biệt giữa đặt chủ đề vào tính kết quả của sự tình gây khiến hoặc đặt chủ đề vào đối tượng nhận sự tình gây khiến và trạng thái của đối tượng. Nhằm xác định phân giới ngữ đoạn của một vị từ gây khiến và vị từ phi tác cách khi chúng xuất hiện liền kề nhau, thường được xem là một cấu trúc ổn định, để tài nghiên cứu đã khảo sát phát âm của 21 đối tượng nghiên cứu (07 nam và 14 nữ) ở độ tuổi từ 24 đến 50 và có giọng nói cả ba miền Nam, miền Trung và miền Bắc với những câu khác nhau cùng với cấu trúc câu gây khiến kết quả. Kết quả ghi nhận về cao độ (pitch), cường độ (intensity), trường độ (length), biên độ sóng âm (waves) và quãng lặng (intonation break) với phần mềm phân tích ngữ âm Praat cho thấy phân giới ngữ đoạn nằm giữa vị từ gây khiến và vị từ phi tác cách khi hai vị từ xuất hiện liền kề, cho thấy cấu trúc khó có thể là một cấu trúc cố định hay là một đơn vị cú pháp duy nhất. Kết quả được ghi nhận này phù hợp với một ngôn ngữ thiên chủ đề của tiếng Việt khi người nói/viết muốn đặt tiêu điểm thông tin trong mệnh đề Thuyết của sự tình chuyển tác lên kết quả sự tình, vị từ phi tác cách đứng trước chủ thể, hoặc với đối tượng nhận sự tình, vị từ phi tác cách xuất hiện sau chủ thể.

Từ khoá: vị từ phi tác cách, vị từ tác động gây chuyển động, vị từ chuyển động, kết cấu tác động gây chuyển động

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Phan Thanh Tâm, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam
Email: phanthanhtram@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 30-06-2025
- Ngày sửa đổi: 17-12-2025
- Ngày chấp nhận: 14-04-2026
- Ngày đăng: 12-05-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i2.1193>



Check for updates

Bản quyền

© Tập chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong ngôn ngữ tiếng Việt, vị từ phi tác cách (unaccusative verbs^a) đóng một vai trò quan trọng, đặc biệt trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động khi vị từ phi tác cách chuyển tải thuộc tính kết quả chuyển động²⁻⁵ mà thuộc tính kết quả này trong tiếng Việt không được tích hợp (encode^b) vào trường từ vựng của vị từ tác động. Chuyển động tích hợp trong vị từ phi tác cách có thể là chuyển động về mặt không gian hoặc trạng thái của bị thể. Vị từ phi tác cách hiện

^aTrong thuật ngữ ngôn ngữ học (Cao Xuân Hạo và Hoàng Dũng, 2004), thuật ngữ “unaccusative” được chuyển dịch là “phi đối cách [?]”¹. Dựa theo định nghĩa “không có tác nhân thực hiện hành động” của từ unaccusative verbs, chúng tôi chuyển dịch “phi tác cách” hoặc “không tác cách” cho phù hợp.

^bHầu hết trong các tài liệu, thuật ngữ “encode” trong tiếng Anh được chuyển dịch thành “mã hóa” trong tiếng Việt, phần nào mang tính kỹ thuật. Với ngữ nghĩa học, “encode” mang nghĩa “to use a word or a phrase in a foreign language in the correct way”⁶ hoặc “to express the meaning of something in a foreign language”⁶. Chúng tôi chuyển dịch “chuyển tải nét nghĩa” hoặc “tích hợp” theo nghĩa này. Chú thích này nhằm tạo thuận tiện cho người đọc khi tham khảo các tài liệu khác.

diện trong hầu hết các ngôn ngữ, tuy nhiên, với mỗi ngôn ngữ, vị từ phi tác cách có những đặc trưng khác nhau^{3,5,7,8}. Trong tiếng Việt, với đặc trưng có thể xuất hiện cả trước lẫn sau chủ thể, mà đó cũng là bị thể của vị từ, vị từ phi tác cách tiếng Việt khác biệt rất nhiều với lớp vị từ cùng loại trong các ngôn ngữ khác, đặc biệt là ngôn ngữ phương Tây khi cấu trúc Chủ - Vị được duy trì.

Bài viết này tập trung trình bày đặc trưng của vị từ phi tác cách trong tiếng Việt và phân giới ngữ đoạn giữa vị từ gây khiến và vị từ phi tác cách chỉ kết quả chuyển động trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động kết hợp với việc phân tích với phần mềm ngữ âm Praat liên quan đến quãng lặng đánh dấu phân giới ngữ đoạn.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Để mục này thảo luận tổng quan về hai yếu tố quan trọng của vấn đề trong bài viết là lý thuyết về vị từ phi tác cách của Perlmutter (1978) và thuộc tính chuyển

Trích dẫn bài báo này: Tâm P T. **Đặc trưng vị từ phi tác cách trong tiếng Việt với cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động.** VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit. 2026;10(2):3469-3477.

động được tích hợp trong các vị từ phi tác cách mà nó cũng là thuộc tính quan trọng trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động.

Vị từ phi tác cách

Perlmutter (1978) giới thiệu lý thuyết vị từ phi tác cách (unaccusative hypothesis) trong *Impersonal Passives and the Unaccusative Hypothesis* (tạm dịch *Thể bị động phi nhân xưng và lý thuyết vị từ phi tác cách*). Lý thuyết này sau đó được Burzio (1986) khẳng định và Levin và Rappaport-Hovav (1995) mở rộng với quan hệ giữa cú pháp và ngữ nghĩa từ vựng. Lý thuyết vị từ phi tác cách cho rằng các động từ thuộc nhóm nội động từ không đồng nhất với nhau mà có thể được chia thành hai lớp vị từ gồm: a) lớp vị từ phi tác cách (unaccusative verbs) như *to melt* (tan), *to sink* (chìm), *to fall* (ngã), v.v. để cập đến chuyển động của chủ thể nhưng chủ thể nhận hành động và không có tác thể thực hiện hành động, và b) lớp vị từ phi khiến cách (unergative verbs) như *to dance* (khiêu vũ), *to stop* (ngừng lại), *to jog* (chạy chậm đều), v.v. để cập đến những vị từ mà chủ thể thực hiện hành động và không có bị thể nhận hành động. Trong hai lớp vị từ này, chủ thể của các vị từ phi tác cách cùng có tính chất về mặt cú pháp và ngữ nghĩa tương tự bị thể trực tiếp của các ngoại động từ⁴. Hai lớp vị từ thuộc nhóm nội động từ này mang thuộc tính ảnh hưởng trực tiếp lên yếu tố chuyển động trong ngôn ngữ khi các vị từ đều đề cập đến chuyển động, về mặt không gian hoặc trạng thái.

Perlmutter (1978) cung cấp một danh sách khá dài, nhưng vẫn chưa thể đầy đủ các vị từ thuộc hai lớp vị từ nói trên [9, tr.162-163].

(i) **Lớp vị từ phi khiến cách:** *bark, belch, bellow, bicycle, blurt out, burp, chirp, cogitate, cough, daydream, defecate, frown, grimace, grin, growl, hiccup, hunt, jog, meditate, mumble, neigh, play, quack, roar (voluntary), shout, skate, ski, skip (voluntary), smile, sneeze, speak, swim, talk, think, urinate, vomit, walk, whinny, whisper, work, etc.*

(ii) **Lớp vị từ phi tác cách:** *appear, arise, arrive, begin, brighten, burn, cease, clang, clink, continue, crackle, crystallize, dangle, darken, die, dim, disappear, drip, drop, emerge, end up, end, ensue, evaporate, exist, fall, flow, float, freeze, glide, glisten, glitter, glow, gush, hang, happen, jingle, last, melt, occur, ooze, pop up, pop, remain, result, ridden, rise, seep, shine, shop up, sink, slide, slip, snap (involuntary), soar, solidify, sparkle, start, stay, stop, survive, sway, take place, transpire, trickle, turn up, vanish, vaporize, v.v. và những tính từ liên quan đến kích cỡ, hình dáng, trọng lượng, màu sắc, mùi vị, tình trạng tinh thần.*

Các vị từ phi tác cách cũng được phân làm hai lớp nhỏ hơn. Một là các vị từ phi tác cách có thể chuyển đổi (alternating unaccusative verbs) và hai là các vị từ phi tác cách không thể chuyển đổi (non-alternative unaccusative verbs). Các vị từ như *to break* (vỡ), *to melt* (tan), *to freeze* (đông), *to sink* (chìm), v.v. là các vị từ phi tác cách có thể chuyển đổi, trong khi các vị từ *to appear* (xuất hiện), *to arrive* (đến), *to die* (chết), *to disappear* (biến mất), *to emerge* (hiện ra), *to fall* (ngã), *to happen* (diễn ra), *to occur* (xảy ra), *to rise* (nổi lên), *to vanish* (biến mất), v.v. là các vị từ phi tác cách không thể chuyển đổi khi các vị từ này không có hình thức cấu trúc bị động. Trong danh sách lớp vị từ phi tác cách được [9, tr.162-163] cung cấp, các vị từ được gạch dưới là vị từ phi tác cách không thể chuyển đổi (*appear, arrive, die, fall, happen, occur, rise, vanish*). Khác biệt giữa hai nhóm vị từ này là các vị từ phi tác cách “không thể chuyển đổi” không thể có một cấu trúc ngoại động từ gây khiến tương ứng trong khi các vị từ phi tác cách “có thể chuyển đổi” thì lại có thể. Những ví dụ (1a) và (1b) dưới đây cho thấy khác biệt giữa vị từ phi tác cách không thể chuyển đổi và vị từ phi tác cách có thể chuyển đổi.

Ví dụ 1:

a - Vị từ phi tác cách không thể chuyển đổi:

*He suddenly **appeared** in the doorway.*

→ ~~*He was appeared.*~~

*She **fell** under the bus and was killed immediately.*

→ ~~*She was fallen under the bus*~~

b - Vị từ phi tác cách có thể chuyển đổi:

*The snow usually **melts** by mid-March.*

→ *Mary **melted** the chocolate slowly.*

*The Titanic **sank** in 1912.*

→ *Enemy aircraft **sank** two battleships.*

Trong tiếng Anh, các vị từ thuộc cả hai lớp vị từ phi tác cách và vị từ phi khiến cách đều đòi hỏi một tham tố đóng vai trò chủ ngữ trên bình diện cú pháp. Tuy nhiên, trong khi tham tố của các vị từ phi tác cách là tác thể (agent) của hành động thì tham tố của các vị từ phi khiến cách là bị thể (theme hay patient) của hành động. Thông thường, tác thể (agent) thường được đứng ở vị trí chủ từ và bị thể (theme hay patient) thường lấy vị trí túc từ của cấu trúc. Ví dụ dưới đây cho thấy, với các vị từ phi khiến cách, như ví dụ (2a), tham tố duy nhất là chủ từ của câu về mặt cấu trúc văn phạm và là chủ thể chuyển động của sự tình chuyển động trong câu, đồng thời trên bình diện nghĩa thì tham tố này là tác thể (agent) của vị từ chuyển động. Tuy nhiên, với các vị từ phi tác cách, trong ví dụ (2b), có một sự không ăn khớp giữa vai trò trong chủ để

(thematic role) và cấu trúc về mặt văn phạm. Về mặt văn phạm, tham tố duy nhất trong cấu trúc là chủ từ của câu, nhưng về mặt vai trò trong chủ đề thì đó là bị thể để nhận hành động của vị từ chuyển động. Trong trường hợp này, tác thể thực hiện hành động của vị từ chuyển động vắng mặt trong thông báo.

Ví dụ 2:

a- Phi khiến cách (unergative):

The gorilla dances.

Chủ từ/Tác thể

b- Phi tác cách (unaccusative):

The ship have sunk.

Chủ từ/Bị thể

Cấu trúc chìm và cấu trúc bề mặt vị từ phi tác cách

Cấu trúc chìm (deep structure) và cấu trúc bề mặt (surface structure) là hai khái niệm về chuyển dịch cấu trúc và ngôn ngữ được Noam Chomsky đề xuất với văn phạm chuyển dịch (transformational grammar). Cấu trúc chìm là những thông tin về một sự tình mang nghĩa cho một câu và cấu trúc bề mặt là cấu trúc được thực sự trình bày với hình thức một câu nói^{10,11}, hay câu viết^{12,13}. Với vị từ phi tác cách, cấu trúc chìm bao gồm thông tin về sự tình và bị thể của sự tình trong khi vắng mặt chủ thể của sự tình vì sự tình thực sự không đòi hỏi. Với một ngôn ngữ có kết cấu cú pháp theo lý thuyết Chủ - Vị như tiếng Anh, và hầu hết các ngôn ngữ phương Tây, một cấu trúc câu không thể vắng mặt chủ từ của câu. Vì thế, từ cấu trúc chìm của một vị từ phi tác cách, có một sự chuyển dịch tham tố từ bị thể của sự tình thành chủ thể của sự tình và hình thành cấu trúc bề mặt^{2,7 14}. Với thông báo *the snow melted*, cấu trúc chìm và cấu trúc bề mặt có thể được trình bày như sau:

	<i>The snow</i>	<i>melted</i>
Cấu trúc chìm	[Ø]	[melted + the snow]
Cấu trúc bề mặt	[The snow]	[melted]

Vì vậy, với cấu trúc bề mặt, chủ từ trong cấu trúc câu với vị từ phi tác cách thực sự là bị thể của vị từ, trong khi đó chủ từ của nội động từ phi khiến cách trong cấu trúc bề mặt là tác thể của vị từ như *The gorilla dances*^{7,9,15}. Để tiện cho việc nhận thức và diễn đạt, bài viết sẽ gọi là “chủ/bị thể” từ đây.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu định lượng được thực hiện để ghi nhận trường độ, cao độ, và cường độ của các câu phát âm được ghi nhận bởi phần mềm phân tích ngữ âm Praat. Với phương pháp phân tích định lượng thống kê miêu tả (quantitative descriptive analysis), dữ liệu ghi nhận được thiết lập theo các thông số trung bình, tối đa, tối thiểu của dữ liệu. Tiếp theo, bài viết này áp dụng các thủ pháp nghiên cứu so sánh đối chiếu và miêu tả để phân tích kết quả thu thập. Thủ pháp so sánh đối chiếu được áp dụng để so sánh trường độ, cường độ và cao độ trong các phát âm với các âm liên quan, từ đó ghi nhận xu thế chung (central tendency) của dữ liệu ghi nhận. Thủ pháp miêu tả được sử dụng để trình bày chi tiết các khác biệt giữa các phát âm.

ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI

Về mặt lý thuyết, đặc trưng của vị từ phi tác cách trong tiếng Việt, khác với vị từ cùng loại trong nhiều ngôn ngữ phương Tây, trong bản chất của vị từ và trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động khi có thể xuất hiện với cả hai cấu trúc chìm (sau chủ/bị thể) và cấu trúc bề mặt (trước chủ/bị thể). Đặc trưng này ảnh hưởng rất lớn đến việc phân tích ngữ nghĩa vị từ và cả đến kết cấu cú pháp của cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động khi rất nhiều nghiên cứu đã thực hiện xem cấu trúc vị từ gây khiến và vị từ phi tác cách chỉ kết quả xuất hiện liền kề là một cấu trúc động từ cố định ảnh hưởng đến phân giới ngữ đoạn của cấu trúc câu. Liên quan đến việc phân tích diễn ngôn (discourse analysis), bài viết này là tiền đề cho việc phân tích nhận thức về sự tình gây khiến - kết quả của người nói/viết trong việc chuyển tải thông tin đến người nghe/đọc phù hợp với ngôn ngữ thiên chủ đề của tiếng Việt và thể hiện bản sắc của tiếng Việt trong ngôn ngữ.

Về mặt thực tiễn, bài viết có đóng góp quan trọng với việc sử dụng và giảng dạy tiếng Việt, đặc biệt cho người nước ngoài. Trước tiên, kết quả nghiên cứu này giúp các giáo viên phân giới ngữ đoạn rõ ràng trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động để giảng dạy cách đọc chính xác cho học viên khi phân giới được đặt giữa vị từ tác động và vị từ phi tác cách. Thứ hai, kết quả nghiên cứu cũng giúp cho việc xác định ngữ đoạn trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đặc trưng vị từ phi tác cách trong tiếng Việt

Trong tiếng Việt, lớp vị từ phi tác cách, tương tự trong các ngôn ngữ khác, đề cập đến kết quả của một hành động chuyển tác tác động lên chủ thể khiến chủ thể

chuyển động ngoài chủ ý của chủ thể hoặc không theo ý chí của chủ thể như *cháy, tan, chết*, v.v.(cho chuyển động về trạng thái) hay *rơi, ngã, rớt, văng, lăn*, v.v. (cho chuyển động về mặt không gian). Tuy nhiên, trong khi với tiếng Anh, chỉ có cấu trúc bề mặt của vị từ phi tác cách được thể hiện trong giao tiếp và cấu trúc chìm là ghi nhận thông tin trong nhận thức của người giao tiếp, thì với tiếng Việt, cả hai hình thức cấu trúc đều có thể được diễn đạt ở cấu trúc bề mặt như:

- <i>Nước đổ kia!</i>	→	Đổ nước kia!
- <i>Cửa mở rồi!</i>	→	Mở cửa rồi!
- <i>Trái banh văng ra đường rồi!</i>	→	Văng trái banh ra đường rồi!

Trong *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, với lý thuyết Đê - Thuyết, Cao Xuân Hạo cho rằng cấu trúc câu với vị từ phi tác cách đứng đầu câu trong những ví dụ trên là câu không đề và có thể đóng vai trò Thuyết trong một cấu trúc câu khi Đê được bổ sung [16, tr.277-285]. Như vậy, là một câu không Đề và có thể đóng vai trò Thuyết trong một cấu trúc bậc cao hơn, cấu trúc vị từ phi tác cách và chủ thể/bị thể của nó, dù đứng trước hay sau vị từ phi tác cách, chịu sự ràng buộc là không thể tách rời trong một cấu trúc bậc cao hơn. Chẳng hạn như, trong câu “Cô Tấm đập vỡ bình hoa rồi” với hai cấu trúc bề mặt, việc phân giới ngữ đoạn cấu trúc như sau “*Cô Tấm / đập / vỡ bình hoa rồi*”, cũng như “*Cô Tấm / đập / bình hoa vỡ rồi*”. Trong tiếng Việt, một ngôn ngữ thiên chủ đề¹⁷, khác với các ngôn ngữ theo lý thuyết Chủ - Vị, vị từ phi tác cách vẫn có thể đứng đầu một “câu”, dù là “câu không đề”, trong cấu trúc bề mặt và được diễn đạt trong ngôn ngữ với chút ít nhấn mạnh vào mục tiêu diễn đạt. Với tiếng Việt, vị từ phi tác cách trong một sự tình có thể hiện diện với hai cấu trúc bề mặt, đứng trước và cả đứng sau bị thể. Về mặt ngữ dụng và khi hai cấu trúc này được sử dụng độc lập, hai cấu trúc này có chút khác biệt khi cấu trúc với vị từ phi tác cách đứng đầu, như *Đổ nước kia!*, mang hành vi ngôn từ (speech act) là cảnh báo (warning), một hành vi ngôn từ lớp cấu khiến (directive speech act), và cấu trúc với chủ thể/bị thể đứng đầu mang hành vi ngôn từ thông báo (announcing), một hành vi ngôn từ lớp biểu kiến (representative speech act) cũng như mang tính lịch sự cao hơn khi không dùng cấu trúc mệnh lệnh cách. Tuy vậy, hành vi ngôn từ này sẽ thay đổi khi hai cấu trúc này trở thành ngữ đoạn trong cấu trúc với vị từ tác động gây chuyển động được đề cập trong phần tiếp theo.

Một số ngôn ngữ châu Á, đặc biệt khu vực Đông Nam Á, cũng chia sẻ đặc trưng có thể chuyển đổi này của vị từ phi tác cách như tiếng Nhật 倒れた! (tạm dịch:

Ngã rồi kia!), tiếng Hàn aaaaaaa (tạm dịch: *Đổ nước rồi!*), tiếng Trung aaaa (tạm dịch: *Đổ rồi kia!*), tiếng Thái aaaaaaa (tạm dịch: *Đổ nước rồi!*) và tiếng Khmer aaaaaaa (tạm dịch: *Đổ nước rồi!*)^{14,18,19}.

Lớp vị từ phi tác cách trong tiếng Việt

Cũng tương tự những ngôn ngữ khác, vị từ phi tác cách trong tiếng Việt tích hợp phương thức chuyển động, về mặt không gian hoặc trạng thái^{2-4,9}, và khi xuất hiện trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động, vị từ phi tác cách cùng chủ thể/bị thể của nó thể hiện kết quả của vị từ tác động. Một số vị từ phi tác cách sau đây thường được sử dụng trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động.

(i) **Vị từ phi tác cách chỉ chuyển động về không gian:** *chìm, bay, đổ, lăn, ngã, nổi, rơi, văng*, v.v.

(ii) **Vị từ phi tác cách chỉ chuyển động về trạng thái:** *bay hơi, bị thương, biến mất, cháy, chết, chín, cong, dẹp, đóng băng, đông cứng, đứt, gãy, kẹt, khô, lắc lư, loãng, lung lay, mềm, méo, mở, nát, ngừng, nhừ, nóng, sạch, sôi, thùng, tan, tan chảy, tươi, vỡ, xuất hiện*, v.v.

Trong những vị từ phi tác cách được kể trên, một vài vị từ phi tác cách được sử dụng hạn chế, đặc biệt với vị từ tác động không phương thức như *làm, làm cho, khiến, khiến cho*, khi chuyển động của vị từ phi tác cách là yếu tố trung tâm của cấu trúc. Trong một số trường hợp, vị từ trong lớp vị từ phi tác cách được sử dụng mang tính ẩn dụ để không thực sự diễn đạt chuyển động của chủ thể/bị thể như “Sự thật giết **chết** những giấc mơ lãng mạn” hoặc “Chính quyền đã **đập tan** kế hoạch của các nhóm phản động”, với những trường hợp trên, vị từ được sử dụng thì không được xem là vị từ phi tác cách khi việc chuyển đổi giữa vị từ và chủ thể/bị thể không thể thực hiện được.

THẢO LUẬN

Ngữ đoạn vị từ phi tác cách, dù với cấu trúc bề mặt nào, là thành tố không thể vắng mặt trong kết cấu cú pháp vị từ tác động gây chuyển động khi thể hiện chuyển động của bị thể trong cấu trúc, đồng thời thể hiện thuộc tính kết quả của vị từ tác động, đặc biệt khi thuộc tính kết quả không được tích hợp trong trường từ vựng của vị từ tác động. Chẳng hạn, với cặp vị từ được cho là tương đương nhau giữa tiếng Việt *đập* và tiếng Anh *to smash*, ngữ nghĩa của hai vị từ này cho thấy có khác biệt với thuộc tính kết quả.

- **đập:** *đưa nhanh, thường là từ trên xuống, bàn tay hoặc vật gì có bề mặt không sắc cho tác động vào một vật khác*²⁰
- **to smash:** *to cause something to break noisily into a lot of small pieces (gây cho cái gì vỡ ra thành từng mảnh một cách ồn ào)*⁶

Trong cặp từ *đập* và *to smash*, nét nghĩa [+ bề ra từng mảnh] chỉ có với từ tiếng Anh *to smash* và không hiện diện với từ tiếng Việt được xem là tương đương. Do vậy, với hai câu phát ngôn được xem là tương đương trong hai ngôn ngữ có những khác biệt nhất định liên quan đến “kết quả” hay là chuyển động của bị thể như ví dụ sau:

Rioters ran through the city center smashing windows. Những kẻ gây rối chạy qua trung tâm thành phố và đập các cửa sổ.

Tuy nhiên, hai câu trong phát ngôn của hai ngôn ngữ cho thấy, trong câu tiếng Anh, người nghe và cả người nói đều tri nhận “cửa sổ bị bể nát”, trong khi với câu tiếng Việt, việc tri nhận nét nghĩa đó không nhất thiết hiện diện vì nó không có trong trường từ vựng của từ *đập*. Người Việt thông thường bổ sung vào đó một từ hay cụm từ chỉ chuyển động trạng thái của cửa sổ như *nát, bể nát*.

Những kẻ gây rối chạy qua trung tâm thành phố và đập nát/bể nát các cửa sổ.

Những kẻ gây rối chạy qua trung tâm thành phố và đập các cửa sổ bể nát.

Thuộc tính kết quả được bổ sung vào vị từ tác động khi đó được thể hiện với cấu trúc vị từ phi tác cách ở cả hai cấu trúc bề mặt để cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động có hai kết cấu chủ yếu [N1 + V1_{tác động} + {N2 + V2_{phi tác cách}}]^c và [N1 + V1_{tác động} + {V2_{phi tác cách} + N2}]. Với đặc trưng có thể xuất hiện cả trước hoặc sau chủ/bị thể, hai cấu trúc với vị từ phi tác cách đều có giá trị như nhau trong vai trò ngữ đoạn chỉ kết quả của vị từ tác động. Về mặt ngữ dụng, hành vi ngôn từ của cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động với cả hai kết cấu [N1 + V1 + {N2 + V2}] và [N1 + V1 + {V2 + N2}] đều là hành vi ngôn từ thông báo (announcing), một hành vi ngôn từ lớp biểu kiến (representative speech act). Trong trường hợp này, vị từ phi tác cách, đứng trước hoặc sau bị thể, không còn hành vi ngôn từ của vị từ. Với văn phạm tiếng Việt truyền thống, cả hai cấu trúc bề mặt này của vị từ phi tác cách trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động là ngữ đoạn chỉ kết quả của hành động chuyển tác.

Khác biệt với vị trí xuất hiện trong hai cấu trúc bề mặt của vị từ phi tác cách trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động chủ yếu là nhấn mạnh đến phương thức chuyển động của bị thể khi được tác động bởi hành động chuyển tác của vị từ tác động. Cao Xuân Hạo (2004) cho rằng “trọng âm cường điệu được đặt vào từ nào mang thông tin mới, hoặc nếu phần thông tin mới gồm nhiều từ, thì đặt vào từ nào người nói cho là quan trọng nhất trong phần đó” [16, tr.80]. Theo Cao Xuân Hạo, “trong ngữ điệu bình thường, một tiếng có

trọng âm dài hơn một tiếng không có trọng âm (khinh âm) từ 1,5 lần đến 4 lần, mạnh hơn từ 3 đến 5 lần và có một đường nét thanh điệu trọn vẹn hơn hẳn” [21, tr.137]. Ở một hướng khác, Đỗ Tiến Thắng cho rằng: “một câu có đầy đủ hai phần để và thuyết luôn tạo ra sự đối xứng về ngữ điệu mà tâm của nó là ranh giới để - thuyết” [22, tr.203] và đó là chỗ ngắt của câu. Ngữ điệu ở đây cần được nhận thức với những thuộc tính ngữ điệu (prosodic property), bao gồm quãng lặng (pause), tính liên mạch (continuity) và trọng âm (stress). Ngữ đoạn như thế sẽ được ghi nhận với một quãng lặng phân giới giữa hai từ kết hợp với trọng âm trong khi một đơn vị cú pháp cố định với nhiều từ sẽ được phát âm với thuộc tính liên mạch.

Nhằm xem xét khác biệt trong việc phát âm các vị từ phi tác cách trong cấu trúc với vị từ tác động gây chuyển động để xác định phân giới ngữ đoạn khi vị từ tác động và vị từ phi tác cách xuất hiện liền kề, tác giả đề tài sử dụng phần mềm phân tích ngữ âm Praat 6.2, cập nhật 15.12.2021 để phân tích cao độ (pitch) với đơn vị dB (decibel), cường độ (intensity) với đơn vị Hz, trường độ với đơn vị giây các âm trong cấu trúc và biên độ thể hiện lực phát âm của sóng âm (waveform). 21 đối tượng nghiên cứu được lựa chọn ngẫu nhiên, trong đó có 07 người nam và 14 người nữ, độ tuổi từ 24 đến 50. Những đối tượng này có quê quán tại các vùng miền khác nhau, miền Bắc có 02 đối tượng (một người nam và một người nữ) đều từ Ninh Bình, miền Trung có 04 đối tượng đều là nữ, hai người Huế, một người Quảng Ngãi và một người Khánh Hoà, miền Nam có 15 đối tượng nghiên cứu gồm 09 người nữ và 06 người nam, đến từ Thành phố Hồ Chí Minh (09 đối tượng gồm 05 người nữ và 04 người nam), Tây Ninh (02 đối tượng là nữ), Biên Hòa (03 đối tượng gồm 02 người nữ và 01 người nam) và Cà Mau (01 đối tượng là nam). Các đối tượng nghiên cứu cùng thực hiện việc phát âm hai cặp câu, cặp câu một gồm “Gió thổi **bay** mười căn nhà xuống sông” và “Gió thổi mười căn nhà **bay** xuống sông”, cặp câu hai gồm “Cỏ Tắm **đập** vỡ bình hoa rồi” và “Cỏ Tắm **đập** bình hoa **vỡ** rồi”. Hai âm *bay*, *bay*¹ và *bay*², là vị từ phi tác cách với phương thức chuyển động về mặt không gian, và hai âm *vỡ*, *vỡ*¹ và *vỡ*², là vị từ phi tác cách với chuyển động về mặt trạng thái, được ghi nhận trường độ, cao độ, cường độ và sóng âm. Số liệu ghi nhận từ Praat của từng yếu tố được tính theo trung bình và so sánh giữa hai câu trong từng cặp với từng yếu tố.

Bảng 1 dưới đây tóm tắt kết quả ghi nhận theo các yếu tố trên cho thấy, với tất cả chỉ số được ghi nhận, âm *bay*¹ trong “Gió thổi **bay** mười căn nhà xuống sông” và âm *vỡ*¹ trong “Cỏ Tắm **đập** vỡ bình hoa rồi” đều cao hơn hai âm tương ứng trong hai câu còn lại. Cụ thể, với cao độ, âm *bay*¹ cao hơn âm *bay*² 3,53%

^cTừ đây về sau: N = danh ngữ, V = vị ngữ

(76,083 dB/73,492 dB), âm $v\theta^1$ cao hơn âm $v\theta^2$ 1,00% (75,920dB/75,170dB); với cường độ, âm bay^1 cao hơn âm bay^2 14,36% (206,515Hz/179,551 Hz), âm $v\theta^1$ cao hơn âm $v\theta^2$ 14,50% (215,194 Hz/187,938 Hz); với trường độ âm bay^1 dài hơn âm bay^2 19,06% (0 giây 186/0 giây 157), âm $v\theta^1$ dài hơn âm $v\theta^2$ 3,09% (0 giây 135/0 giây 131) và với sóng âm biên độ bay^1 mạnh hơn âm bay^2 27,31% (0.381/0.299), biên độ $v\theta^1$ mạnh hơn âm $v\theta^2$ 3,35% (0.354/0.342). Điều này cho thấy khi xuất hiện ở vị trí trước bị thể, các vị từ phi tác cách trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động được nhấn mạnh hơn. Người nói, như thế, có khuynh hướng tập trung vào phương thức chuyển động của bị thể nhiều hơn với cấu trúc có vị từ phi tác cách xuất hiện ngay sau vị từ tác động gây chuyển động (xem Bảng 1).

Tuy nhiên, ghi nhận dữ liệu phát âm của những đối tượng nghiên cứu cho thấy, một số trường hợp âm bay^2 cao hơn âm bay^1 cũng như âm $v\theta^2$ cao hơn âm $v\theta^1$. Cụ thể, với cao độ, một trường hợp âm bay^2 cao hơn (giọng người Nam, 38 tuổi, Ninh Bình), 08 trường hợp âm $v\theta^2$ cao hơn; với cường độ, 06 trường hợp âm bay^2 cao hơn, 10 trường hợp âm $v\theta^2$ cao hơn; với trường độ, 03 trường hợp âm bay^2 cao hơn, 07 trường hợp âm $v\theta^2$ cao hơn; và với biên độ sóng âm, 4 trường hợp âm bay^2 cao hơn, 11 trường hợp âm $v\theta^2$ cao hơn. Khác biệt này phần nào do âm trắc đập với dấu nặng đứng trước âm $v\theta^1$ khá thấp làm hạ thấp trọng âm cường độ của âm $v\theta^1$.

Liên quan đến quãng lạng trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động, hình ảnh hiển thị của phần mềm phân tích ngữ âm Praat với hình sóng âm (waves, trên), cường độ (intensity, đường xanh lá cây) và cao độ (pitch, đường xanh dương) cho câu “Gió thổi bay mười nóc nhà xuống sông” của một giọng Huế, nữ, 36 tuổi cho thấy khoảng lạng rõ rệt giữa âm “gió” và “thổi”, cũng như “thổi” và “bay”, thể hiện phân giới ngữ đoạn của cấu trúc câu (xem Hình 1). Khuôn mẫu phát âm với hai quãng lạng này cho thấy ở tầng bậc cao nhất “gió” là để và “thổi bay mười căn nhà xuống sông” là thuyết và ở tầng bậc thấp hơn “thổi” là tiểu để (đ₂) và “bay mười căn nhà xuống sông” là thuyết nhỏ (t₂). Quãng lạng giữa âm “nóc” và “nhà” nằm ngoài nghiên cứu này nên không được thảo luận.

Khuôn mẫu phát âm với hai quãng lạng trên cũng được ghi nhận với câu “Cô Tấm đập vỡ bình hoa rỗi” với quãng lạng giữa “Tấm” - “đập” và “đập” - “vỡ” với tất cả 21 đối tượng được khảo sát trong nghiên cứu với thời lượng có khác nhau giữa các đối tượng nghiên cứu với điểm chung quan trọng là cường độ giảm xuống rất đáng kể. Ghi nhận với các cấu trúc chuỗi vị từ để hai thành tố của chuỗi kết hợp thành một đơn vị cú pháp duy nhất, thì hiện tượng cường độ giảm

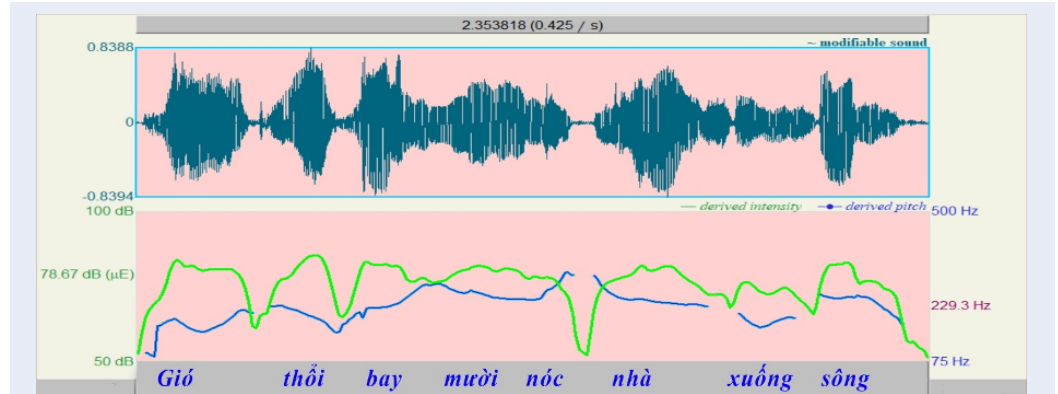
xuống này không được ghi nhận khi hai âm tiết của hai vị từ được phát âm liền mạch. Ghi nhận về quãng lạng, kết hợp với thông số liên quan đến trọng âm ở trên, cho thấy phân giới ngữ đoạn trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động được đặt giữa vị từ gây khiến và vị từ phi tác cách và cho thấy “bay mười nóc nhà xuống sông” và “vỡ bình hoa rỗi” là ngữ đoạn trong cấu trúc câu vị từ tác động gây chuyển động liên quan.

KẾT LUẬN

Vị từ phi tác cách là một thành tố không thể vắng mặt trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động trong tiếng Việt, cấu trúc với vị từ phi tác cách mang những đặc trưng của tiếng Việt để khác biệt với vị từ phi tác cách của các ngôn ngữ khác, đặc biệt là ngôn ngữ theo lý thuyết Chủ - Vị của phương Tây. Trong tiếng Việt, vị từ phi tác cách có thể xuất hiện cả trước và sau chủ/bị thể của nó với cả cấu trúc chìm và cấu trúc bề mặt, trong khi với ngôn ngữ Chủ - Vị, vị từ phi tác cách luôn đứng sau chủ/bị thể với cấu trúc bề mặt. Đặc trưng này của vị từ phi tác cách trong tiếng Việt khiến cho cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động có hai cấu trúc cú pháp [N1 + V1 + {N2 + V2}] và [N1 + V1 + {V2 + N2}], trong khi các cấu trúc vị từ chuyển tác khác, như với vị từ cầu khiến hoặc vị từ tác động gây thay đổi trạng thái tâm lý, chỉ có một hình thái cú pháp [N1 + V1 + {N2 + V2}]. Với hai cấu trúc cú pháp trên, cấu trúc cú pháp [N1 + V1 + {N2 + V2}] được sử dụng khi người nói/viết muốn đặt tiêu điểm thông tin vào đối tượng nhận kết quả, và với cấu trúc cú pháp [N1 + V1 + {V2 + N2}], tiêu điểm thông tin được đặt vào sự tình kết quả sau sự tình gây khiến. Một đặc điểm kéo theo với đặc trưng này của vị từ phi tác cách là hình thức xuất hiện liền kề của vị từ tác động và vị từ phi khiến cách với cú pháp [N1 + V1 + {V2 + N2}]. Không ít nghiên cứu cho rằng đó là một kết cấu động từ cố định để là đơn vị cú pháp duy nhất với nhiều hơn một vị từ như chuỗi vị từ hoặc cấu trúc cố định gây khiến - kết quả. Để xác định V1 và V2 trong hình thái cú pháp trên thuộc hai ngữ đoạn khác nhau trong cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động, bài viết thực hiện khảo sát phân tích ngữ âm với 21 đối tượng khảo sát chọn ngẫu nhiên với cả ba giọng Nam, Trung và Bắc. Phân tích với phần mềm phân tích ngữ âm Praat với các thông số về cao độ, cường độ, trường độ và biên độ sóng âm cùng việc ghi nhận quãng lạng trong cấu trúc cho thấy: (i) người nói có khuynh hướng đặt trung tâm vào vị từ phi tác cách khi đứng trước vị từ; và (ii) vị từ tác động và vị từ phi tác cách, khi xuất hiện liền kề, thuộc về hai ngữ đoạn khác nhau với phân giới ngữ đoạn nằm giữa hai vị từ. Như thế, {N2 + V2} hoặc {V2 + N2} trong câu

Bảng 1: So sánh cao độ, cường độ và trường độ âm các vị từ phi tác cách trong hai cặp câu với vị từ tác động gây chuyển động [Nguồn: Tác giả]

	Cao độ		Cường độ		Trường độ		Sóng âm	
	dB	âm ¹ /âm ²	Hz	âm ¹ /âm ²	giây	âm ¹ /âm ²	biên độ	âm ¹ /âm ²
bay ¹	76.083	3,53%	205.515	14,46%	0.186	19,06%	0.381	27,31%
bay ²	73.492	cao hơn	179.551	cao hơn	0.157	cao hơn	0.299	cao hơn
vỡ ¹	75.920	1,00%	215.194	14,50%	0.135	3,09%	0.354	3,35%
vỡ ²	75.170	cao hơn	187.938	cao hơn	0.131	cao hơn	0.342	cao hơn



Hình 1: Hình sóng âm (trên) và cường độ (đường xanh lá cây) cùng cao độ (xanh dương) được ghi nhận với câu “Gió thổi bay mười nóc nhà xuống sông” với giọng Huế (miền Trung), nữ, 36 tuổi (câu phát âm được tác giả đề tài bổ sung để tiện so sánh) [Nguồn: Tác giả]

trúc vị từ tác động gây chuyển động đều là hai ngữ đoạn trong cấu trúc và, về mặt nhận thức, khi người nói/viết {N2 + V2} hoặc {V2 + N2} tùy thuộc vào “đề” mà người nói/viết muốn đề cập. Điều này phù hợp với ngôn ngữ thiên chủ đề của tiếng Việt và thể hiện bản sắc của tiếng Việt trong ngôn ngữ.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ đề tài mã số C2025-18b-07.

Tác giả bài viết xin gửi lời cảm ơn đến Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM đã tài trợ chính và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình nghiên cứu đề tài.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

N: Danh ngữ
V: Vị ngữ

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả Phan Thanh Tâm là người duy nhất thực hiện đề tài này, bao gồm việc lên ý tưởng nghiên cứu và thiết kế phương pháp nghiên cứu phù hợp để có kết quả đáng tin cậy và có giá trị. Tiếp theo, tác giả lập kế hoạch thu thập dữ liệu, liên hệ các đối tượng nghiên cứu để ghi âm dữ liệu, sử dụng phần mềm để phân tích dữ liệu và, cuối cùng, báo cáo kết quả nghiên cứu. Tác giả cũng là người liên hệ tạp chí để gửi bài và thực hiện các yêu cầu chỉnh sửa của tạp chí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hạo CX, Dũng H. Thuật ngữ ngôn ngữ học Anh-Việt, Việt-Anh (Đề tài Khoa học cấp bộ, mã số B0001.23.04). TP.HCM: Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh; 2004.
2. Narasimhan B, Tomaso VD, Verspoor CM. Unaccusative or Unergative? Verbs of Manner of Motion. 1970; Available from: https://www.researchgate.net/publication/2592837_Unaccusative_or_Unergative_Verbs_of_Manner_of_Motion.
3. Levin B, Hovav MR. Unaccusativity: at the syntax-lexical semantics interface. Cambridge (MA): The MIT Press; 1995.
4. Holmer A. Unaccusativity: at the syntax-lexical semantics interface. 1999; Available from: <https://www.fulcrum.org/concern/monographs/37720d24n>.
5. Noriko UE. On unergative and unaccusative verbs in English. Journal of Ryukoku University. 2009;473:117-35.
6. Cambridge Dictionary 4th edition. Available from: <https://www.cambridge.es/en/catalogue/dictionaries/monolingual/cald>.

7. Park, Lakshmanan. The Unaccusative-Unergative Distinction in Resultatives: Evidence from Korean L2 Learners of English. *Journal of University of Hawai'i at Manoa and Southern Illinois University at Carbondale*. 2007;p. 328–338.
8. Surtani N, Jha K, Paul S. Issues with the Unergative/Unaccusative Classification of the Intransitive Verbs; 2011. Uploaded by Soma Paul; 2015.
9. Perlmutter DM. Impersonal Passives and the Unaccusative Hypothesis. In: {P}roceedings of the {A}nnual {M}eeting of the Berkeley: Linguistics Society; 1978. p. 157–189.
10. Chomsky N. *Syntactic Structure*. Berlin, New York: Mouton de Gruyter; 1957. Available from: <https://doi.org/10.1515/9783112316009>.
11. Chomsky N. *Syntactic Structure*. Berlin, New York: Mouton de Gruyter; 2002. Available from: <https://doi.org/10.1515/9783110218329>.
12. Yule G. *The Study of Language*. Cambridge: Cambridge University Press; 2010.
13. Fromkin V, Rodman R, Hyams N. In *Introduction to Language*. Wadsworth Cengage Learning; 2014.
14. Wu H, Liang Y, Tian L. Cognitive Motivation for Unaccusative Verbs with Objects in Existential Construction in Chinese. *Journal of Language Teaching and Research*. 2018;9(4):876–85. Available from: <https://doi.org/10.17507/jltr.0904.27>.
15. Burzio L. *Italian Syntax: A Government Binding Approach*. Dordrecht: Reidel; 1986. Available from: <https://doi.org/10.1007/978-94-009-4522-7>.
16. Hạo CX. *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng (tái bản lần 1)*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 2004.
17. Cồn NH. *Cấu trúc câu tiếng Việt: Chủ vị hay Đề Thuyết*. Tạp chí Ngôn ngữ học. 2008;.
18. Goddard C. *The Languages of East and Southeast Asia: An Introduction*. Oxford University Press; 2005. Available from: <https://doi.org/10.1093/oso/9780199273119.001.0001>.
19. Davidson JH. *Southeast Asian Linguistics: Essays in honour of Eugénie J. A. Henderson*. School of Oriental & African Studies, University of London; 1989.
20. Viện Ngôn ngữ học *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: Nhà xuất bản Đà Nẵng; 2003.
21. Hạo CX. “Trọng âm và các quan hệ ngữ pháp trong tiếng Việt”. *Tiếng Việt - Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa (tái bản lần 3)*. 2007;p. 137–156.
22. Đỗ Tiến Thăng. *Ngữ điệu tiếng Việt*. 2009;.

The Characteristic of Vietnamese Unaccusative Verbs in the Motion-Caused Constructions

Phan Thanh Tam *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

This paper investigates the characteristics of non-agentive predicates in Vietnamese, focusing on their syntactic and functional roles within causative constructions that denote motion. Differing from the Subject-Predicate analysis of unaccusative predicates in Western languages, the Topic-Comment framework in Vietnamese allows for flexible positioning of the patient, which can either precede or follow the unaccusative predicate in its internal structure. The two surface structures of the unaccusative predicate in causative motion constructions share the function of marking a resultative state. Their distinction, however, is a matter of topical focus: one emphasizes the event's outcome, while the other highlights the patient and its final state after undergoing the caused action. To examine the prosodic segmentation between causative and non-agentive predicates, often treated as a fixed syntactic unit, the study analyzed the spoken data of 21 native Vietnamese speakers (07 male, 14 female), aged 24-50, representing Southern, Central, and Northern dialects with varied sentence structures involving causative-resultative constructions. Acoustic analysis using Praat software, focusing on pitch, intensity, duration, and intonational breaks, reveals a prosodic boundary between adjacent causative and unaccusative predicates. This finding suggests that the construction is unlikely to be a fixed structure or a single syntactic unit. Aligning with the topic-prominent nature of Vietnamese, the results demonstrate that the placement of the unaccusative predicate is determined by information focus within the Comment clause: the predicate precedes the patient to highlight the event's outcome, whereas it follows the patient to highlight the affected entity.

Key words: unaccusative verbs, motion-caused verbs, motion verbs, causative constructions

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Phan Thanh Tam, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: phanthantam@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 30-06-2025
- Revised: 17-12-2025
- Accepted: 14-04-2026
- Published Online: 12-05-2026

DOI : <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i2.1193>



Copyright

© VNUHCM Journal . This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Tam P.T. **The Characteristic of Vietnamese Unaccusative Verbs in the Motion-Caused Constructions.** *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(2):3469-3477.